

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Thông tin không được cung cấp để tóm tắt về doanh nghiệp và xác định chuẩn kế toán áp dụng.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mục 2)
- Tài sản cố định vô hình (Mục 7)
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mục 8)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mục 9)
- Tài sản dài hạn khác (Mục 10)
- Các khoản dự phòng (Mục 15)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số (Mục 16)
- Các khoản dự trữ (Mục 18)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mục 2)
- Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Mục 12)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (Mục 16)
- Lợi nhuận thuần trong kỳ (Mục 17)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Cần có báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đối chiếu và đưa ra nhận xét.

2. Phân tích bảng cân đối kế toán

Phần Nguồn Vốn:

- Nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu đến từ [Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu] với tỷ lệ [X%] so với [Y%].
- Trong nợ phải trả, [Nợ ngắn hạn/Nợ dài hạn] chiếm tỷ trọng lớn hơn, cho thấy [doanh nghiệp có xu hướng sử dụng vốn ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động/doanh nghiệp có các khoản vay dài hạn đáng kể].
- So với đầu kỳ, [Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu] tăng/giảm [Z%], điều này có thể do [giải thích ngắn gọn nguyên nhân, ví dụ: tăng vay nợ để mở rộng sản xuất, tăng vốn điều lệ,...].

Phần Tài Sản:

- Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp là [Số tiền], bao gồm chủ yếu [Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn].
- [Tên tài sản cụ thể, ví dụ: Hàng tồn kho, Tài sản cố định] chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản, cho thấy [doanh nghiệp tập trung nguồn lực vào lĩnh vực sản xuất/dầu tư tài sản cố định,...].
- So với đầu kỳ, [Tên tài sản cụ thể] tăng/giảm [W%], điều này có thể do [giải thích ngắn gọn nguyên nhân, ví dụ: tăng sản lượng, đầu tư thêm máy móc,...].

Đánh giá:

- Cần chú ý đến [Khoản phải thu của khách hàng/Khoản phải trả cho nhà cung cấp] vì [nêu lý do, ví dụ: tăng nhanh có thể gây rủi ro nợ xấu, tăng chậm có thể ảnh hưởng đến dòng tiền,...].
- Vốn lưu động của doanh nghiệp là [Số tiền], cho thấy [khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp].

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tóm tắt: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cần được phân tích để xác định nguồn doanh thu chính (kinh doanh, tài chính, khác), xu hướng thay đổi của doanh thu, chi phí, lợi nhuận (cùng chiều hay ngược chiều), và các hoạt động/giai đoạn có chi phí bất thường. Đặc biệt chú trọng lợi nhuận gộp, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, cần phân tích kỹ các khoản mục doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, và lưu ký chứng khoán.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tóm tắt:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy dòng tiền của công ty chứng khoán chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính, trong khi hoạt động đầu tư có thể đang sử dụng tiền. Cần xem xét kỹ hơn về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để đánh giá tính bền vững của lợi nhuận và khả năng tự tạo tiền của công ty.

Phân tích chi tiết:

- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh:** Xem xét dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là dương hay âm, và xu hướng của nó qua các kỳ. Dòng tiền dương và ổn định cho thấy khả năng tạo tiền từ hoạt động cốt lõi của công ty. Nếu dòng tiền âm, cần tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá khả năng công ty bù đắp thiếu hụt bằng các nguồn khác.
- Dòng tiền từ hoạt động đầu tư:** Phân tích dòng tiền từ hoạt động đầu tư để hiểu rõ về các khoản đầu tư của công ty, bao gồm mua sắm tài sản cố định, đầu tư tài chính và thanh lý tài sản. Dòng tiền âm có thể cho thấy công ty đang đầu tư mạnh vào mở rộng hoặc nâng cấp cơ sở vật chất.
- Dòng tiền từ hoạt động tài chính:** Đánh giá dòng tiền từ hoạt động tài chính để biết về các hoạt động vay nợ, trả nợ, phát hành cổ phiếu và trả cổ tức của công ty. Dòng tiền dương có thể cho thấy công ty đang huy động vốn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư.
- Các chỉ số quan trọng:** Tập trung vào chỉ số lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh để đánh giá khả năng tạo tiền của công ty. So sánh chỉ số này với lợi nhuận trong báo cáo kết quả kinh doanh để đánh giá tính bền vững của lợi nhuận.
- Nhu cầu tài trợ:** Xem xét nhu cầu tài trợ từ các nguồn bên ngoài của công ty. Nếu công ty phụ thuộc quá nhiều vào vay nợ, cần đánh giá khả năng trả nợ và rủi ro tài chính.
- Mục đích sử dụng tiền:** Đánh giá xem tiền được sử dụng cho mục đích gì, liệu công ty có sử dụng tiền vay không đúng mục đích hay không, và liệu công ty có đủ khả năng trả cổ tức.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Doanh nghiệp không được xác định, vì vậy không thể đưa ra các nhận xét cụ thể về ngành nghề và điều chỉnh công thức nếu cần.

Cần cung cấp số liệu cụ thể từ **Bảng Cân Đối Kế Toán**, **Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh** và **Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ** để tính toán các chỉ số.

Dưới đây là bảng trình bày các chỉ số và lý do không tính được nếu thiếu dữ liệu:

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
1. Chỉ số thanh khoản			

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đổi Kế Toán.
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tài sản ngắn hạn, Hàng tồn kho và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đổi Kế Toán.
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tiền và tương đương tiền và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đổi Kế Toán.
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	Không tính được	Cần số liệu Tổng nợ và Tổng tài sản từ Bảng Cân Đổi Kế Toán.
Nợ trên vốn chủ	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	Không tính được	Cần số liệu Tổng nợ và Vốn chủ sở hữu từ Bảng Cân Đổi Kế Toán.
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	Không tính được	Cần số liệu EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế) từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Chi phí lãi vay.
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Không tính được	Cần số liệu Giá vốn hàng bán từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Hàng tồn kho bình quân từ Bảng Cân Đổi Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
Vòng quay khoản phải thu	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Khoản phải thu bình quân từ Bảng Cân Đổi Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Tổng tài sản bình quân từ Bảng Cân Đổi Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
4. Chỉ số lợi nhuận			

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận gộp và Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế và Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Tổng tài sản bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Vốn chủ sở hữu bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
5. Chỉ số định giá			
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Số cổ phiếu lưu hành.
P/E	Giá thị trường / EPS	Không tính được	Cần số liệu Giá thị trường cổ phiếu và EPS (đã tính ở trên).
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Không tính được	Cần số liệu Giá thị trường cổ phiếu và Giá trị sổ sách (BVPS). BVPS = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu lưu hành.
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác			
Doanh thu Thuần	Doanh thu bán - (trừ) Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu bán, Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Giá vốn		Không tính được	Cần số liệu Giá vốn từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
Lợi nhuận gộp	Doanh thu Thuần - Giá vốn	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu thuần và Giá vốn từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập Doanh nghiệp		Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận trước thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp		Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
7. Tăng trưởng			
Tăng trưởng Doanh thu	(Doanh thu năm nay - Doanh thu năm trước) / Doanh thu năm trước * 100%	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu của 2 năm liên tiếp từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Tăng trưởng Lợi nhuận	(Lợi nhuận năm nay - Lợi nhuận năm trước) / Lợi nhuận năm trước * 100%	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận của 2 năm liên tiếp từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
8. Dòng tiền			
DOANH THU THUẦN (Net Cash Flow from Operating Activities - CFO)		Không tính được	Cần số liệu Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh từ Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ.
TỶ SUẤT DÒNG TIỀN TỰ DO (Free Cash Flow to Equity - FCFE)	(Lưu chuyển tiền thuần từ hợp đồng kinh doanh - Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định)	Không tính được	Cần số liệu Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định từ Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ.
XU HƯỚNG CỦA DÒNG TIỀN		Không tính được	Cần số liệu dòng tiền của nhiều năm liên tiếp từ Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

Do thiếu dữ liệu cụ thể từ Bảng Cân Đối Kế Toán, Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ, không thể tính toán và phân tích chi tiết các chỉ số tài chính. Vì vậy, không thể đưa ra nhận định về cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản, khả năng thanh toán, đòn bẩy tài chính, khả năng sinh lời và dòng tiền của doanh nghiệp.